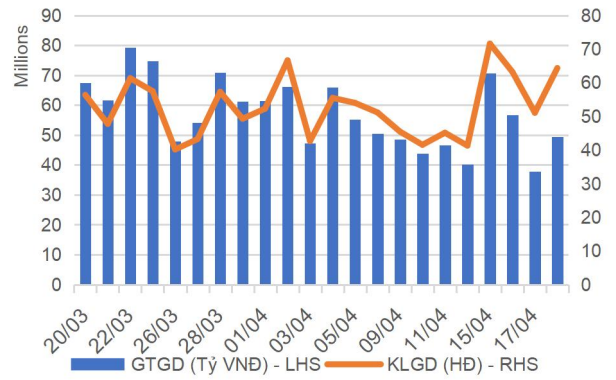
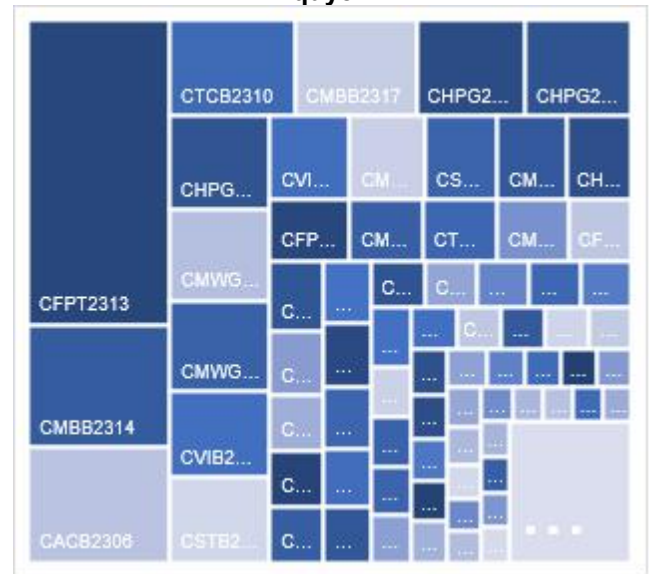


Áp lực bán trên thị trường cơ sở vẫn chưa dịu bớt và tiếp tục khiến cho hàng loạt cổ phiếu trên thị trường cơ sở giảm điểm, kéo theo thị trường chứng quyền cũng chìm trong sắc đỏ. Thanh khoản của thị trường chứng quyền tăng mạnh so với phiên trước và các chứng quyền của HPG, MWG, FPT và MBB là những mã được giao dịch tích cực nhất. Xu hướng ngắn hạn của các cổ phiếu cơ sở vẫn khá tiêu cực, tuy nhiên chúng tôi cho rằng thị trường cơ sở sẽ có nhịp hồi phục trong các phiên đầu tuần, chúng tôi khuyến nghị NĐT tiếp tục tận dụng nhịp hồi của thị trường cơ sở để hạ tỷ trọng các chứng quyền đang nắm giữ.

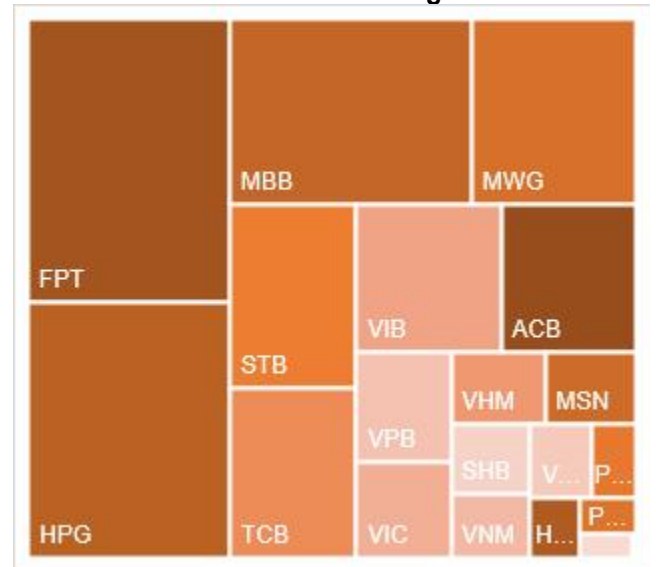
Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch



Phân bổ GTGD theo mã chứng quyền



Phân bổ GTGD theo mã chứng khoán cơ sở



Nguồn: YSVN

KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

Mã	Thay đổi(+/-%)	Đóng cửa	KLGD (Hợp đồng)	GTGD (tỷ VNĐ)	Trạng thái tiền	Premium	Đòn bẩy	Số phiên còn lại	Độ biến động ngầm định
CACB2304	-7.1%	1830	101,600	0.184	ITM	7.1%		159	47%
CACB2305	0.0%	810	256,100	0.2	ITM	8.5%		173	44%
CACB2306	-5.5%	1720	1,251,800	2.175	ITM	2.1%		94	37%
CACB2307	-3.4%	570	165,100	0.093	ITM	6.8%		124	39%
CACB2401	0.0%	1320	3,600	0.004	ITM	3.9%		61	38%
CFPT2309	-9.6%	3690	4,000	0.015	ITM	0.2%	3.74	17	76%
CFPT2310	-8.6%	3490	111,200	0.403	ITM	2.9%	3.80	108	48%
CFPT2313	-9.7%	1680	3,359,700	5.793	ITM	7.2%	4.93	112	47%
CFPT2314	-7.9%	2340	269,900	0.649	ITM	13.2%	3.40	265	47%
CFPT2315	0.0%	4070	-	0	ITM	3.3%	3.35	5	394%
CFPT2316	-6.8%	2900	179,200	0.519	ITM	1.8%	3.69	94	46%
CFPT2317	-8.6%	1280	191,700	0.25	ITM	10.3%	4.08	216	41%
CFPT2318	-3.6%	2130	16,900	0.035	ITM	6.5%	5.10	87	54%
CHDB2306	-13.3%	1110	350,100	0.391	ITM	4.3%	4.88	68	56%
CHPG2309	0.0%	1400	994,800	1.406	ITM	1.4%	6.20	35	49%
CHPG2315	0.0%	1500	-	0	ITM	21.5%	2.57	66	130%
CHPG2316	-2.2%	870	252,900	0.217	OTM	16.4%	4.10	157	51%
CHPG2319	-5.1%	370	249,700	0.092	OTM	13.6%	6.37	68	48%
CHPG2322	-0.9%	1050	23,800	0.023	OTM	15.5%	5.05	89	53%
CHPG2326	-12.9%	270	2,493,400	0.733	ITM	2.8%	15.15	17	41%
CHPG2328	9.1%	360	46,700	0.014	OTM	5.1%	14.62	17	46%
CHPG2329	-14.5%	940	229,200	0.226	OTM	11.1%	7.04	108	37%
CHPG2331	-3.2%	600	2,340,300	1.368	OTM	13.7%	4.43	173	45%
CHPG2332	-7.6%	610	2,019,100	1.251	OTM	15.7%	4.22	206	44%
CHPG2333	1.6%	650	562,000	0.34	OTM	18.3%	3.84	234	46%
CHPG2334	-3.8%	510	985,400	0.513	OTM	20.8%	3.58	265	46%
CHPG2336	-3.7%	260	58,000	0.013	OTM	4.9%	12.17	17	55%
CHPG2337	-15.8%	480	46,000	0.022	OTM	13.6%	5.67	77	51%
CHPG2338	2.3%	880	61,000	0.051	OTM	20.6%	3.59	171	55%
CHPG2339	-2.1%	2830	7,200	0.02	OTM	29.1%	2.41	262	67%
CHPG2340	-12.2%	1010	5,400	0.005	ITM	0.8%	9.17	5	115%
CHPG2341	-10.1%	710	124,800	0.092	OTM	13.0%	7.55	94	39%
CHPG2342	0.0%	760	317,800	0.239	ITM	13.7%	2.89	216	65%
CHPG2343	1.4%	700	373,600	0.245	OTM	8.3%	6.98	56	49%
CHPG2401	0.0%	400	128,000	0.035	OTM	15.8%	5.86	61	51%
CMBB2306	-8.9%	3600	94,600	0.345	ITM	1.6%	3.71	35	84%
CMBB2309	-7.5%	990	788,800	0.773	ITM	1.1%	5.72	17	82%
CMBB2311	-14.2%	1880	35,500	0.068	ITM	0.3%	6.02	17	49%
CMBB2312	0.9%	2230	118,700	0.246	ITM	5.6%	4.33	108	52%
CMBB2314	-13.0%	1000	2,391,600	2.339	ITM	5.7%	4.61	112	47%
CMBB2315	-8.2%	1350	296,500	0.402	ITM	11.9%	3.22	265	49%
CMBB2316	-16.7%	500	272,200	0.142	ITM	1.3%	4.54	17	109%
CMBB2317	-14.1%	730	2,015,800	1.579	ITM	4.2%	5.00	124	35%
CMBB2318	-3.9%	1480	63,800	0.093	ITM	5.4%	3.47	157	51%
CMBB2401	-27.8%	1840	24,200	0.043	ITM	4.3%	5.33	61	56%
CMSN2302	-8.0%	1040	120,800	0.125	ITM	8.6%	6.04	35	74%
CMSN2307	0.0%	270	34,900	0.009	OTM	28.9%	2.18	68	66%
CMSN2311	0.0%	350	121,500	0.041	OTM	37.3%	2.11	108	61%
CMSN2313	1.4%	730	43,500	0.031	OTM	31.3%	2.65	173	63%
CMSN2315	250.0%	70	247,900	0.002	OTM	24.4%	0.09	17	91%
CMSN2316	-25.0%	540	1,107,500	0.577	OTM	34.4%	2.73	171	58%
CMSN2317	-4.9%	970	108,400	0.105	OTM	42.3%	2.24	262	60%
CMWG2305	-14.6%	3170	19,200	0.063	ITM	0.0%	3.83	35	0%
CMWG2309	-12.5%	70	545,300	0.029	OTM	12.8%	9.38	17	52%
CMWG2310	-15.4%	660	38,000	0.026	OTM	19.9%	4.81	108	52%
CMWG2312	-66.7%	20	333,300	0.006	OTM	16.3%	0.06	6	79%
CMWG2313	-12.4%	780	753,600	0.601	OTM	13.4%	5.14	112	49%

CMWG2314	-8.5%	750	1,636,400	1.224	OTM	23.4%	3.30	265	51%
CMWG2315	-15.4%	110	328,000	0.037	OTM	6.0%	9.73	17	68%
CMWG2316	0.0%	930	1,367,800	1.232	ITM	11.2%	5.02	126	46%
CMWG2317	25.0%	50	1,500	0	OTM	4.4%	23.47	5	52%
CMWG2318	-8.5%	1400	595,600	0.845	ITM	4.6%	4.68	94	48%
CNVL2305	-7.5%	990	12,100	0.009	OTM	45.0%	0.04	68	197%
CPDR2305	-19.2%	2020	127,400	0.264	ITM	8.0%		68	112%
CPOW2306	-33.3%	40	102,700	0.006	OTM	51.7%		68	60%
CPOW2309	-25.0%	30	927,200	0.009	OTM	37.4%		28	74%
CPOW2313	-16.0%	210	575,600	0.122	OTM	25.5%		77	57%
CPOW2314	-11.3%	470	228,000	0.106	OTM	32.6%		171	59%
CPOW2315	-9.2%	690	266,000	0.181	OTM	40.0%		262	61%
CSHB2302	0.0%	130	114,800	0.014	OTM	9.9%		17	67%
CSHB2303	-2.0%	480	952,900	0.46	OTM	19.3%		76	69%
CSHB2304	10.7%	310	51,600	0.013	OTM	18.5%		77	85%
CSHB2305	26.7%	380	9,800	0.003	OTM	29.6%		171	77%
CSHB2306	3.6%	1160	231,000	0.255	OTM	35.4%		262	74%
CSTB2306	25.0%	300	4,608,800	0.809	OTM	14.2%	8.98	35	51%
CSTB2312	0.0%	120	378,500	0.039	OTM	26.6%	5.36	66	53%
CSTB2313	4.2%	250	212,200	0.048	OTM	37.3%	4.09	157	51%
CSTB2316	0.0%	140	56,200	0.007	OTM	38.2%	1.90	68	68%
CSTB2318	0.0%	60	669,000	0.025	OTM	20.3%	6.49	28	54%
CSTB2322	0.0%	30	1,619,400	0.042	OTM	12.4%	18.94	17	45%
CSTB2324	-50.0%	10	450,200	0.005	OTM	15.8%	24.55	17	42%
CSTB2325	-1.6%	620	900	0	OTM	26.8%	3.05	108	70%
CSTB2326	0.0%	20	100	0	OTM	23.3%	0.00	6	106%
CSTB2327	-14.3%	300	662,900	0.258	OTM	26.1%	3.95	112	58%
CSTB2328	2.0%	510	775,300	0.384	OTM	38.4%	2.42	265	64%
CSTB2330	-33.3%	20	5,800	0	OTM	27.2%	0.34	17	74%
CSTB2331	16.7%	140	40,400	0.004	OTM	33.2%	3.56	77	58%
CSTB2333	8.9%	1470	152,800	0.198	OTM	45.7%	2.46	262	60%
CSTB2334	-3.0%	1280	115,700	0.14	OTM	15.1%	3.93	126	60%
CSTB2335	0.0%	100	-	0	OTM	16.8%	0.00	5	152%
CSTB2336	33.3%	80	18,800	0	OTM	17.2%	7.43	32	54%
CSTB2337	18.1%	980	49,000	0.038	OTM	26.3%	2.30	216	82%
CSTB2338	-9.1%	400	2,972,800	1.133	OTM	12.7%	7.81	56	48%
CSTB2401	0.0%	230	-	0	OTM	18.2%	8.54	61	46%
CTCB2302	-4.0%	5770	18,900	0.107	ITM	-0.4%	2.57	35	0%
CTCB2306	-4.8%	3150	196,100	0.6	ITM	0.2%	3.53	17	81%
CTCB2307	-13.8%	3000	111,500	0.325	ITM	3.4%	3.50	108	55%
CTCB2309	-5.7%	3810	17,900	0.064	ITM	4.3%	3.48	159	45%
CTCB2310	-4.5%	1480	1,132,500	1.61	ITM	5.3%	3.33	173	48%
CTCB2311	0.0%	4300	-	0	ITM	0.9%	3.45	5	272%
CTCB2312	-5.2%	4000	3,000	0.012	ITM	0.2%	3.62	87	0%
CTCB2401	-16.6%	5090	33,900	0.164	ITM	-0.7%	4.28	61	0%
CTPB2304	-30.0%	70	138,800	0.008	OTM	15.5%		17	78%
CTPB2305	-14.3%	240	294,400	0.066	OTM	22.2%		77	61%
CTPB2306	-11.6%	990	84,800	0.082	OTM	31.7%		171	67%
CTPB2401	-5.3%	720	13,000	0.009	OTM	20.1%		61	79%
CVHM2302	6.7%	160	910,400	0.137	OTM	22.0%	2.43	35	59%
CVHM2307	12.5%	90	31,300	0.002	OTM	52.7%	0.15	68	73%
CVHM2311	0.0%	200	109,600	0.018	OTM	48.2%	1.04	108	59%
CVHM2312	0.0%	10	178,600	0.001	OTM	35.1%	0.00	17	74%
CVHM2313	-16.2%	310	609,900	0.187	OTM	28.0%	3.64	173	50%
CVHM2315	-25.0%	30	200	0	OTM	23.2%	0.11	17	76%
CVHM2316	-22.7%	170	18,400	0.002	OTM	26.7%	3.15	77	55%
CVHM2317	-15.2%	390	887,600	0.334	OTM	33.7%	2.72	171	56%
CVHM2318	-13.9%	930	194,700	0.18	OTM	40.0%	2.32	262	57%
CVHM2319	0.0%	10	-	0	OTM	25.4%	0.00	5	127%
CVHM2401	-6.0%	780	93,000	0.069	OTM	11.1%	5.91	61	54%
CVIB2302	-14.6%	2040	180,300	0.367	ITM	3.9%		35	73%
CVIB2304	-12.7%	890	1,016,800	0.899	ITM	8.5%		112	54%

CVIB2305	-10.0%	630	1,845,900	1.154	OTM	18.8%		265	49%
CVIB2306	-9.1%	3200	17,300	0.055	ITM	7.8%		126	75%
CVIB2307	2.0%	1010	266,100	0.266	ITM	18.7%		124	80%
CVIB2401	-8.3%	1110	112,000	0.122	ITM	7.0%		61	51%
CVIC2306	13.6%	250	7,000	0.001	OTM	50.8%	0.06	68	95%
CVIC2308	-24.2%	250	904,700	0.255	OTM	23.2%	3.75	112	52%
CVIC2309	-20.0%	320	942,900	0.317	OTM	29.6%	3.10	173	51%
CVIC2312	-32.0%	170	754,200	0.129	OTM	26.9%	2.30	77	59%
CVIC2313	-17.4%	380	1,042,100	0.403	OTM	34.4%	2.15	171	60%
CVIC2314	-13.6%	1270	67,600	0.087	OTM	43.0%	1.65	262	68%
CVNM2306	-10.3%	260	159,100	0.041	OTM	15.5%	5.94	68	45%
CVNM2308	-16.7%	100	112,300	0.01	OTM	6.5%	16.58	17	39%
CVNM2310	0.0%	260	96,700	0.021	OTM	26.1%	3.67	112	47%
CVNM2311	0.0%	500	895,700	0.395	OTM	29.7%	3.92	265	41%
CVNM2313	100.0%	20	129,600	0.002	OTM	28.5%	0.00	17	77%
CVNM2314	-6.5%	430	496,400	0.2	OTM	37.9%	2.21	171	52%
CVNM2315	0.0%	1610	-	0	OTM	98338.5%	0.00	262	500%
CVNM2316	-73.3%	80	35,700	0.002	ITM	0.4%	51.26	5	20%
CVPB2309	0.0%	10	1,861,600	0.018	OTM	18.7%	10.37	17	51%
CVPB2311	-31.6%	130	1,899,500	0.213	OTM	9.3%	13.94	17	51%
CVPB2312	-10.2%	530	589,300	0.32	OTM	16.2%	7.02	108	42%
CVPB2314	-5.9%	160	1,226,600	0.196	OTM	29.8%	5.91	112	48%
CVPB2315	-7.1%	260	1,299,000	0.325	OTM	37.2%	4.01	265	47%
CVPB2316	0.0%	20	161,000	0.003	OTM	24.0%	0.82	17	77%
CVPB2317	-26.7%	110	241,000	0.031	OTM	28.7%	5.93	77	51%
CVPB2318	-11.4%	310	412,800	0.126	OTM	35.9%	3.74	171	55%
CVPB2319	0.0%	1280	114,700	0.141	OTM	45.8%	2.23	262	66%
CVPB2320	0.0%	70	-	0	OTM	17.0%	0.00	5	153%
CVPB2321	4.8%	440	34,200	0.013	ITM	16.5%	3.43	124	70%
CVPB2322	3.9%	530	47,600	0.022	OTM	22.2%	3.73	157	58%
CVRE2303	-33.3%	180	284,900	0.046	OTM	19.9%	4.16	35	65%
CVRE2308	-9.1%	300	3,000	0	OTM	54.1%	0.22	68	113%
CVRE2312	20.0%	60	140,400	0.003	OTM	30.2%	0.05	17	103%
CVRE2313	-7.4%	250	13,900	0.003	OTM	43.2%	1.84	108	68%
CVRE2315	-4.5%	210	718,600	0.144	OTM	48.7%	1.88	173	68%
CVRE2317	100.0%	20	332,400	0.003	OTM	41.2%	0.00	17	103%
CVRE2318	-5.6%	170	2,700	0	OTM	48.7%	0.80	77	77%
CVRE2319	-19.0%	170	990,000	0.172	OTM	52.4%	3.15	171	53%
CVRE2320	-7.3%	890	165,400	0.143	OTM	60.2%	1.94	262	62%
CVRE2321	0.0%	20	700	0	OTM	36.5%	0.00	5	199%
CVRE2322	-14.1%	850	48,100	0.04	OTM	24.6%	2.73	94	82%
CVRE2323	-7.7%	360	150,100	0.05	OTM	21.5%	3.75	56	68%

Nguồn: FiinPro, YSVN

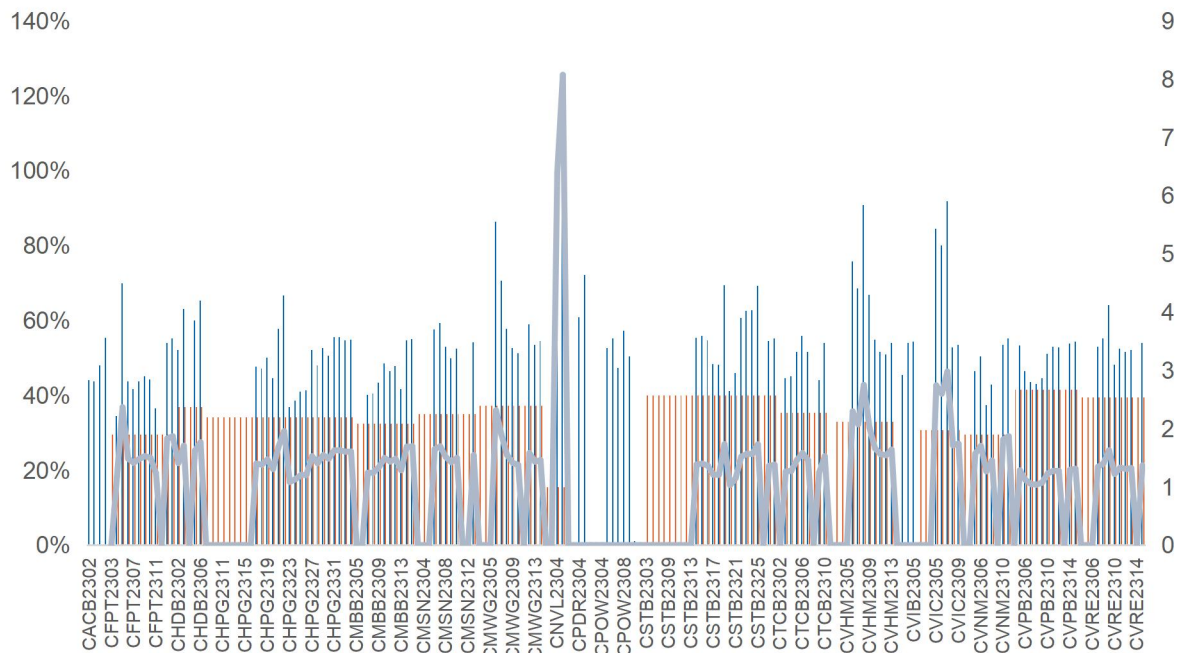
Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).
 Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.
 Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp. Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro

BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ

Mã	Giá khuyến nghị	Giá hiện tại	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức mục tiêu ngắn hạn	Upside ngắn hạn so với giá hiện tại	Mức cắt lỗ ngắn hạn	Reward/Risk
CTD		61.00	GIẢM	GIẢM			66.82	-
DPM		31.20	GIẢM	GIẢM			33.60	-
FPT		109.00	GIẢM	TĂNG			114.37	-
HDB		22.25	GIẢM	TĂNG		-100%	23.70	-
HPG		27.80	GIẢM	GIẢM			29.26	-
MBB		22.70	GIẢM	GIẢM			24.51	-
MSN		66.50	GIẢM	GIẢM			70.31	-
MWG		48.20	GIẢM	TĂNG		-100%	52.03	-
NVL		14.45	GIẢM	GIẢM			16.00	-
PNJ		91.50	GIẢM	TĂNG			97.29	-
REE		58.00	GIẢM	TĂNG			61.45	-
STB		26.80	GIẢM	GIẢM			28.73	-
TCB		44.50	GIẢM	TĂNG			46.80	-
VHM		41.50	GIẢM	GIẢM			43.11	-
VIC		42.60	GIẢM	GIẢM			45.94	-
VJC	107.00	103.30	TĂNG	TĂNG	116.08	12%	101.66	1.70
VNM		64.20	GIẢM	GIẢM			65.84	-
VPB		18.10	GIẢM	GIẢM			19.30	-
VRE		21.30	GIẢM	GIẢM			23.17	-

Nguồn: YSVN

ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẪM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG QUÁ KHỨ CỦA CKCS



Nguồn: YSVN

(*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngẫum định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngẫum định/Độ biến động lịch sử.

(*) NĐT có thể sử dụng “Độ biến động ngẫum định” để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngẫum định càng lớn thì vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngẫum định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

Mã chứng quyền	TCPH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Khối lượng phát hành	Giá thực hiện	Ngày giao dịch cuối cùng
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CACB2401	VCI	n.a	2	1,000	n.a	25,000	17/06/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	CK VPBank	n.a	8	2,800	n.a	99,000	11/07/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	ACBS	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024
CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024
CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	CK VPBank	n.a	3	2,300	n.a	28,000	12/06/2024
CHPG2401	VCI	n.a	3	1,150	n.a	31,000	17/06/2024
CMBB2306	ACBS	12 tháng	1.6965	1,800	15,000,000	16,965	22/05/2024
CMBB2309	SSI	9 tháng	4	1,000	35,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2311	HCM	9 tháng	2	1,700	7,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2312	HCM	12 tháng	2	1,900	7,000,000	19,500	02/08/2024
CMBB2314	SSI	10 tháng	4	1,100	23,000,000	20,000	07/08/2024
CMBB2315	SSI	16 tháng	4	1,300	20,000,000	20,000	07/01/2025
CMBB2316	KISVN	7 tháng	10	1,000	1,700,000	17,999	02/05/2024
CMBB2317	VND	9 tháng	5	1,300	10,000,000	20,000	19/08/2024
CMBB2318	VND	10 tháng	4	2,500	5,000,000	18,000	19/09/2024
CMBB2401	VCI	n.a	2	1,060	n.a	20,000	17/06/2024
CMSN2302	ACBS	12 tháng	6	3,300	3,000,000	66,000	22/05/2024
CMSN2307	KISVN	12 tháng	10	1,400	2,000,000	82,999	24/06/2024
CMSN2311	HCM	12 tháng	8	2,400	5,000,000	88,500	02/08/2024
CMSN2313	SSI	12 tháng	10	1,900	10,000,000	80,000	07/10/2024
CMSN2315	KISVN	7 tháng	10	1,200	3,000,000	81,999	02/05/2024
CMSN2316	KISVN	12 tháng	10	2,000	3,000,000	83,979	03/10/2024
CMSN2317	KISVN	15 tháng	8	2,900	2,000,000	86,868	02/01/2025
CMWG2305	ACBS	12 tháng	3.962	2,000	9,000,000	35,658	22/05/2024
CMWG2309	HCM	9 tháng	5	2,000	5,000,000	54,000	03/05/2024
CMWG2310	HCM	12 tháng	5	2,400	5,000,000	54,500	02/08/2024
CMWG2312	BSI	7 tháng	3	3,160	3,500,000	56,000	23/04/2024
CMWG2313	SSI	10 tháng	6	2,000	12,000,000	50,000	07/08/2024
CMWG2314	SSI	16 tháng	10	1,400	20,000,000	52,000	07/01/2025
CMWG2315	KISVN	7 tháng	20	1,000	1,300,000	48,888	02/05/2024
CMWG2316	ACBS	11 tháng	6	1,400	10,000,000	48,000	21/08/2024

CMWG2317	MBS	6 tháng	6	1,300	2,000,000	50,000	22/04/2024
CMWG2318	VND	8 tháng	6	3,000	5,000,000	42,000	18/07/2024
CNVL2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	16,999	24/06/2024
CPDR2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	20,222	24/06/2024
CPOW2306	KISVN	12 tháng	2	1,400	2,000,000	15,999	24/06/2024
CPOW2308	VND	10 tháng	5	1,300	10,000,000	12,000	15/04/2024
CPOW2309	VND	11 tháng	2	2,000	5,000,000	14,500	15/05/2024
CPOW2313	KISVN	9 tháng	2	1,300	3,000,000	12,888	03/07/2024
CPOW2314	KISVN	12 tháng	2	1,600	3,000,000	13,111	03/10/2024
CPOW2315	KISVN	15 tháng	2	1,800	3,000,000	13,456	02/01/2025
CSHB2302	KISVN	7 tháng	2	1,000	8,000,000	11,999	02/05/2024
CSHB2303	KISVN	9 tháng	2	1,100	8,000,000	12,345	02/07/2024
CSHB2304	KISVN	9 tháng	5	1,000	3,000,000	11,666	03/07/2024
CSHB2305	KISVN	12 tháng	5	1,000	3,000,000	12,555	03/10/2024
CSHB2306	KISVN	15 tháng	2	2,000	2,000,000	12,777	02/01/2025
CSTB2306	ACBS	12 tháng	2	2,600	19,000,000	30,000	22/05/2024
CSTB2312	KISVN	12 tháng	5	1,400	3,000,000	33,333	21/06/2024
CSTB2313	KISVN	16 tháng	5	1,500	3,000,000	35,555	20/09/2024
CSTB2316	KISVN	12 tháng	5	1,300	3,000,000	36,333	24/06/2024
CSTB2318	VND	11 tháng	4	2,000	6,000,000	32,000	15/05/2024
CSTB2319	VND	10 tháng	9	1,400	10,000,000	27,000	15/04/2024
CSTB2322	SSI	9 tháng	4	1,400	70,000,000	30,000	03/05/2024
CSTB2324	HCM	9 tháng	4	1,200	10,000,000	31,000	03/05/2024
CSTB2325	HCM	12 tháng	4	1,400	10,000,000	31,500	02/08/2024
CSTB2326	BSI	7 tháng	2	2,920	3,500,000	33,000	23/04/2024
CSTB2327	SSI	10 tháng	6	1,200	23,000,000	32,000	07/08/2024
CSTB2328	SSI	16 tháng	8	1,100	25,000,000	33,000	07/01/2025
CSTB2330	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	33,999	02/05/2024
CSTB2331	KISVN	9 tháng	5	1,100	4,000,000	34,999	03/07/2024
CSTB2333	KISVN	15 tháng	2	4,600	3,000,000	36,111	02/01/2025
CSTB2334	ACBS	11 tháng	3	2,700	8,000,000	27,000	21/08/2024
CSTB2335	MBS	6 tháng	3	2,200	3,000,000	31,000	22/04/2024
CSTB2336	VND	6 tháng	5	2,000	5,000,000	31,000	17/05/2024
CSTB2337	VND	12 tháng	7	2,000	10,000,000	27,000	19/11/2024
CSTB2338	CK VPBank	n.a	3	2,100	n.a	29,000	12/06/2024
CSTB2401	VCI	n.a	3	1,150	n.a	31,000	17/06/2024
CTCB2302	ACBS	12 tháng	3	3,100	9,900,000	27,000	22/05/2024
CTCB2306	HCM	9 tháng	4	1,900	7,000,000	32,000	03/05/2024
CTCB2307	HCM	12 tháng	4	2,000	7,000,000	34,000	02/08/2024
CTCB2309	BSI	12 tháng	3	2,310	2,000,000	35,000	23/09/2024
CTCB2310	SSI	12 tháng	8	1,000	23,000,000	35,000	07/10/2024
CTCB2311	MBS	6 tháng	3	2,300	3,000,000	32,000	22/04/2024
CTCB2312	CK VPBank	n.a	3	2,500	n.a	32,600	11/07/2024
CTCB2401	VCI	n.a	2	1,800	n.a	34,000	17/06/2024
CTPB2304	KISVN	7 tháng	4	1,000	2,500,000	18,888	02/05/2024
CTPB2305	KISVN	9 tháng	4	1,100	3,000,000	19,333	03/07/2024
CTPB2306	KISVN	12 tháng	2	2,500	2,000,000	19,888	03/10/2024
CTPB2401	VCI	n.a	2	1,000	n.a	18,500	17/06/2024
CVHM2302	ACBS	12 tháng	4	3,800	8,000,000	50,000	22/05/2024
CVHM2307	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,666	24/06/2024
CVHM2311	HCM	12 tháng	5	2,800	7,000,000	60,500	02/08/2024
CVHM2312	HCM	9 tháng	5	2,800	7,000,000	56,000	03/05/2024
CVHM2313	SSI	12 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/10/2024
CVHM2315	KISVN	7 tháng	8	1,100	3,000,000	50,888	02/05/2024
CVHM2316	KISVN	9 tháng	8	1,300	3,000,000	51,234	03/07/2024
CVHM2317	KISVN	12 tháng	8	1,500	3,000,000	52,345	03/10/2024
CVHM2318	KISVN	15 tháng	5	2,800	3,000,000	53,456	02/01/2025
CVHM2319	MBS	6 tháng	5	1,600	2,000,000	52,000	22/04/2024
CVHM2401	VCI	n.a	4	1,100	n.a	43,000	17/06/2024
CVIB2302	ACBS	12 tháng	1.6185	2,000	9,000,000	18,613	22/05/2024
CVIB2304	SSI	10 tháng	3.8879	1,100	20,000,000	19,439	07/08/2024
CVIB2305	SSI	16 tháng	5.8318	1,000	25,000,000	21,383	07/01/2025
CVIB2306	ACBS	11 tháng	1.9439	2,400	7,000,000	16,523	21/08/2024
CVIB2307	VND	9 tháng	4	2,000	5,000,000	21,000	19/08/2024
CVIB2401	VCI	n.a	1.9439	1,150	n.a	20,411	17/06/2024
CVIC2306	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,222	24/06/2024

CVIC2308	SSI	10 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/08/2024
CVIC2309	SSI	12 tháng	10	1,100	15,000,000	52,000	07/10/2024
CVIC2312	KISVN	9 tháng	10	1,100	4,000,000	52,345	03/07/2024
CVIC2313	KISVN	12 tháng	10	1,300	4,000,000	53,456	04/10/2024
CVIC2314	KISVN	15 tháng	5	2,900	3,000,000	54,567	02/01/2025
CVNM2306	KISVN	12 tháng	9.4907	1,300	2,000,000	71,707	24/06/2024
CVNM2308	HCM	9 tháng	7.8398	1,800	5,000,000	67,619	03/05/2024
CVNM2310	SSI	10 tháng	9.7998	1,700	14,000,000	78,398	07/08/2024
CVNM2311	SSI	16 tháng	9.7998	2,200	12,000,000	78,398	07/01/2025
CVNM2313	KISVN	7 tháng	9.7998	1,100	3,000,000	82,298	02/05/2024
CVNM2314	KISVN	12 tháng	7.8398	1,600	3,000,000	85,148	03/10/2024
CVNM2315	KISVN	15 tháng	39199	4,400	3,000,000	87,108	02/01/2025
CVNM2316	MBS	6 tháng	9.7998	1,700	3,000,000	63,698	22/04/2024
CVPB2305	VND	10 tháng	2.8595	2,900	10,000,000	17,157	15/04/2024
CVPB2309	SSI	9 tháng	3.8126	1,100	35,000,000	21,446	03/05/2024
CVPB2311	HCM	9 tháng	1.9063	2,500	7,000,000	19,540	03/05/2024
CVPB2312	HCM	12 tháng	1.9063	2,700	7,000,000	20,016	02/08/2024
CVPB2314	SSI	10 tháng	3.8126	1,100	20,000,000	22,876	07/08/2024
CVPB2315	SSI	16 tháng	5.719	1,000	25,000,000	23,352	07/01/2025
CVPB2316	KISVN	7 tháng	4.7658	1,000	3,000,000	22,357	02/05/2024
CVPB2317	KISVN	9 tháng	3.8126	1,100	2,000,000	22,875	03/07/2024
CVPB2318	KISVN	12 tháng	3.8126	1,300	2,000,000	23,416	03/10/2024
CVPB2319	KISVN	15 tháng	1.9063	3,100	2,000,000	23,946	02/01/2025
CVPB2320	MBS	6 tháng	2.8595	1,500	3,000,000	20,970	22/04/2024
CVPB2321	VND	9 tháng	7	1,200	10,000,000	18,000	19/08/2024
CVPB2322	VND	10 tháng	4	2,000	5,000,000	20,000	19/09/2024
CVRE2303	ACBS	12 tháng	3	2,500	3,900,000	25,000	22/05/2024
CVRE2308	KISVN	12 tháng	5	1,300	2,000,000	31,333	24/06/2024
CVRE2312	HCM	9 tháng	4	1,600	5,000,000	27,500	03/05/2024
CVRE2313	HCM	12 tháng	4	1,600	5,000,000	29,500	02/08/2024
CVRE2315	SSI	12 tháng	8	1,000	25,000,000	30,000	07/10/2024
CVRE2317	KISVN	7 tháng	4	1,100	3,000,000	29,999	02/05/2024
CVRE2318	KISVN	9 tháng	4	1,300	3,000,000	30,999	03/07/2024
CVRE2319	KISVN	12 tháng	4	1,600	3,000,000	31,777	03/10/2024
CVRE2320	KISVN	15 tháng	2	3,500	3,000,000	32,333	02/01/2025
CVRE2321	MBS	6 tháng	4	1,200	2,000,000	29,000	22/04/2024
CVRE2322	VND	8 tháng	3	3,000	5,000,000	24,000	18/07/2024
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CACB2401	VCI	n.a	2	1,000	n.a	25,000	17/06/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	CK VPBank	n.a	8	2,800	n.a	99,000	11/07/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	ACBS	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024
CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024

CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	CK VPBank	n.a	3	2,300	n.a	28,000	12/06/2024

Nguồn: FiinPro, YSVN

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written.